

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ S
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2023/DS-ST
Ngày: 25 – 7 – 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lệ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phước

Ông Đào Khel

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2023/TLST-DS, ngày 24 tháng 4 năm 2023, về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C; Địa chỉ: Số 169, Phố L, Phường H, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trịnh Bích T - Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng C tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ: Số 32, đường T, Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Giấy ủy quyền ngày 02/8/2021 - vắng mặt do có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Lâm Thị N, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số nhà 85/8, đường T, Khóm C, Phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Dương Kim T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số nhà 85/8, đường T, Khóm C, Phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 3 năm 2023, đơn xin vắng mặt tham gia phiên tòa xét xử ngày 25 tháng 7 năm 2023, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trịnh Bích T trình bày:

Ngày 26/10/2007, bà Lâm Thị N viết giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay và được tổ tiết kiệm, tổ vay vốn, Hội Cựu chiến binh Phường D và Ủy ban nhân dân Phường D, thành phố S ký hồ sơ vào ngày 30/10/2007. Đến ngày 12/11/2007, Hội sở Ngân hàng C tỉnh Sóc Trăng đã giải ngân cho bà Lâm Thị N vay số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng). Bà Lâm Thị N đã nhận tiền vay 02 (hai) lần cụ thể vào ngày 12/11/2007 với số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) và ngày 09/4/2008 nhận số tiền 4.000.000 đồng ((bốn triệu đồng) kèm sổ lưu tờ rơi theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ). Mục đích sử dụng tiền vay là chi phí học tập cho học sinh sinh viên, lãi suất 0,5%/tháng, lãi quá hạn 0,65%/tháng, thời hạn vay là 84 tháng, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 10/11/2014. Số dư nợ đến ngày 13/9/2022 là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng). Đến thời hạn trả nợ, bà Lâm Thị N chưa trả nên đã viết giấy đề nghị gia hạn gửi Ngân hàng và đã được phê duyệt cho gia hạn nợ đến ngày 10/11/2016, số tiền nợ chuyển quá hạn ngày 10/11/2016.

Theo thỏa thuận trả nợ thì 06 (sáu) tháng trả nợ gốc 01 (một) lần, lãi định kỳ hàng tháng vào ngày 10. Tuy nhiên đến nay bà Lâm Thị N không thực hiện đúng theo Hợp đồng. Đến ngày 25/7/2023, bà Lâm Thị N còn nợ số tiền nợ gốc là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) và tiền lãi suất phát sinh tính đến ngày 25/7/2023 là 5.895.790 đồng (năm triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm chín mươi đồng).

Nay Ngân hàng C yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Lâm Thị N phải trả cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc và tiền lãi suất phát sinh tính đến ngày 25/7/2023 là 13.895.790 đồng ((mười ba triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm chín mươi đồng) trong đó số tiền nợ gốc là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) và tiền lãi suất tính đến ngày 25/7/2023 là 5.895.790 đồng (năm triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm chín mươi đồng)) và tiền lãi suất phát sinh cho đến ngày trả hết nợ cho Ngân hàng C.

* Tại tờ tường trình ngày 26 tháng 4 năm 2023, bị đơn bà Lâm Thị N trình bày: Bà thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng C. Tuy nhiên hiện nay hoàn cảnh khó khăn, bà xin gia hạn trả nợ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Kim T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ

án, qua thẩm tra chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung khởi kiện, nguyên đơn Ngân hàng C yêu cầu bà Lâm Thị N trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án, bị đơn bà Lâm Thị N cư trú tại thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân thành phố S thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trịnh Bích T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Lâm Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 3 Điều 235 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Trịnh Bích T, bà Lâm Thị N, ông Dương Kim T và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

[3] Nguyên đơn Ngân hàng C thay đổi yêu cầu về việc không yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Kim T cùng thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ vào quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận đối với việc thay đổi yêu cầu khởi kiện.

[4] Về nội dung khởi kiện của Ngân hàng C:

[4.1] Tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và kế ước nhận nợ ngày 26/10/2007 được ký kết giữa Ngân hàng C và bà Lâm Thị N đã tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia có các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký.

[4.2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Lâm Thị N phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ là 13.895.790 đồng ((mười ba triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm chín mươi đồng) trong đó số tiền nợ gốc là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng), tiền lãi suất tính đến ngày 25/7/2023 là 5.895.790 đồng (năm triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm chín mươi đồng)) và có trách nhiệm thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 26/7/2023 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và kế ước nhận nợ ngày 26/10/2007 và Sổ lưu từ rơi theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ, Hội đồng xét xử xác định bà Lâm Thị N có ký kết Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và kế ước nhận nợ ngày 26/10/2007 với Ngân hàng C và được Ngân hàng phê duyệt với số tiền là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 0,5%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 0,65%/tháng, thời hạn vay là 84 tháng, mục đích vay là chi phí học tập cho học sinh sinh viên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Lâm Thị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Ngân hàng C yêu cầu bà Lâm Thị N trả số tiền nợ còn lại là 13.895.790 đồng ((mười ba triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm chín mươi đồng) trong đó số tiền nợ gốc là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) và tiền lãi suất tính đến ngày 25/7/2023 là 5.895.790 đồng (năm triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm chín mươi đồng)) và khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 26/7/2023 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng là có căn cứ, phù hợp với nội dung thỏa thuận về việc trả nợ gốc lãi, chuyển nợ quá hạn, tính lãi tiền vay tại hợp đồng tín dụng đã ký kết và quy định tại Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[5] Đối với ý kiến của bị đơn bà Lâm Thị N xin gia hạn thời gian trả nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy, bà Lâm Thị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong một khoảng thời gian dài nhưng vẫn không thực hiện. Mặt khác nguyên đơn Ngân hàng C không đồng ý đối với yêu cầu xin trả dần của bà Lâm Thị N nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với lời trình bày này của bà Lâm Thị N.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà Lâm Thị N phải chịu 694.790 (sáu trăm chín mươi bốn nghìn bảy trăm chín mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn Ngân hàng C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C.

Buộc bị đơn bà Lâm Thị N phải trả cho Ngân hàng C tổng số tiền còn nợ là 13.895.790 đồng ((mười ba triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm chín mươi đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) và tiền lãi suất tính đến ngày 25/7/2023 là 5.895.790 đồng (năm triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm chín mươi đồng)).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Lâm Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ thì lãi suất mà bà Lâm Thị N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng C cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng C.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Ngân hàng C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn bà Lâm Thị N phải chịu 694.790 đồng (sáu trăm chín mươi bốn nghìn bảy trăm chín mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn Ngân hàng C và bị đơn bà Lâm Thị N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố S;
- CC THADS thành phố S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thị Lệ Hằng